

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 27 - 4 - 2021

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Nhân
2. Ông Lê Dũng Tấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 31/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr

Địa chỉ: Thôn , xã Th Tr, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Đ – chức vụ: Ủy viên HĐQT

Bị đơn: - Anh Phạm Văn C, sinh năm: 1970,

- Chị Lê Thị Ng, sinh năm: 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn , xã Th Tr, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà Đ, vắng mặt anh C, chị Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020, bản tự khai ngày 16/11/2020, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/8/2018 Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr ký Hợp đồng tín dụng số 2018-1-00433 với anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng. Tổng mức tín dụng được cấp là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Lãi suất cho vay: Lãi suất 1.02%/Tháng áp dụng cho 12 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay được Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr điều chỉnh theo từng thời điểm do Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr công bố tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn 1.53% /Tháng.

- Mục đích vay: Đầu tư buôn bán vật liệu xây dựng.
- Phương thức trả nợ: Gốc đến hạn, lãi trả hàng tháng (theo hợp đồng tín dụng).

Theo hợp đồng Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr đã giải ngân cho anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng vay số tiền là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là 01 khối bất động sản tại: Thôn 1, xã Th Tr, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích 305m² được minh chứng bởi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 950605, do UBND Huyện Thiệu Hóa cấp ngày 14/6/2006 đứng tên anh Phạm Văn C. Số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H10048. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 143/2017/HĐTC ký ngày 18/7/2017.

Từ khi vay đến nay anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình không đều đặn, không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Quỹ, vi phạm lịch trả nợ trong hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký. Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr đã nhiều lần làm việc và thông báo về việc anh C đã quá hạn trả nợ tại Quỹ với gia đình anh C; Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại gia đình anh C vẫn chưa thanh toán được tiền nợ gốc và lãi cho Quỹ. Tính đến ngày 27/4/2021 anh C chị Ng còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr gồm: Nợ gốc 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 139.630.400 (Một trăm ba chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), nợ lãi quá hạn 49.531.200 (Bốn chín triệu năm trăm ba mươi hai nghìn); Số lãi trên đã trừ số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) anh C, chị Ng đã trả. Tổng nợ là 669.161.600đ (Sáu trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm đồng). Đồng thời Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr yêu cầu anh C, chị Ng phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh về sau theo hợp đồng cho đến ngày anh C, chị Ng thanh toán hết hợp đồng. Nếu anh C, chị Ng không thanh toán hết số nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr đề nghị Tòa án tuyên tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 305m² đất ở được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 950605, do UBND Huyện Thiệu Hóa cấp ngày 14/6/2006 đứng tên anh Phạm Văn C là tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khoản vay.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02/12/2020 bị đơn chị Lê Thị Ng trình bày: Chị thừa nhận vợ chồng có ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng Th Tr vào tháng 8/2018 để vay số tiền gốc là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi

triệu đồng). Lãi suất là 1,02%/tháng. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất quá hạn là 1,53%/tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 919 tờ bản đồ số 01 diện tích là 305m². Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị mới trả cho Quỹ tín dụng Th Tr số tiền lãi là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Hiện nay chị Ng thừa nhận vợ chồng còn nợ số tiền nợ gốc 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và lãi chưa thanh toán. Do làm ăn thua lỗ nên gia đình chưa trả được hết nợ cho Quỹ tín dụng. Vì vậy chị Ng đề nghị được trả dần số nợ gốc trong 02 năm và thanh toán hàng quý, đối với số nợ lãi chị Ng xin Quỹ cho vợ chồng chị.

Tại bản tự khai ngày 26/01/2021, bị đơn anh Phạm Văn C trình bày: Ngày 29/8/2018 vợ chồng anh có ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng Th Tr để vay số tiền gốc là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất là 1,02%/tháng. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất quá hạn là 1,53%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng anh C có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 919 tờ bản đồ số 01 diện tích là 305m². Quá trình thực hiện hợp đồng anh C đã trả cho Quỹ tín dụng Th Tr số tiền lãi là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Hiện nay anh C thừa nhận vợ chồng còn nợ số tiền nợ gốc 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và lãi chưa thanh toán. Do làm ăn thua lỗ nên gia đình chưa trả được hết nợ cho Quỹ tín dụng. Vì vậy anh C đề nghị được trả dần số nợ gốc, đối với số nợ lãi anh C xin Quỹ cho vợ chồng anh.

Anh C, chị Ng đã được thông báo triệu tập hợp lệ để đến Tòa án viết tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C, chị Ng không đến Tòa án làm việc.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 6; Điều 9; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Phạm Văn C, chị Lê Thị Ng phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn C, chị Lê Thị Ng phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cư trú tại huyện Thiệu Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Tòa án thông báo, triệu tập anh C, chị Ng lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C, chị Ng.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng số 2018-1-00433 thì thấy ngày 29/8/2018 anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng ký hợp đồng vay Quỹ tín dụng nhân dân xã Th Tr số tiền vay 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng); Lãi suất cho vay 1,02%/ tháng thời hạn vay 12 tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,53% tháng. Mục đích vay: Đầu tư buôn bán vật liệu xây dựng, phương thức trả nợ: Gốc đến hạn, lãi trả hàng tháng, lãi suất được điều chỉnh từng thời điểm theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr; Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã giải ngân, thể hiện bằng phiếu chi, giấy nhận nợ (BL: 14 -15), quá trình giải quyết vụ án anh C, chị Ng đều công nhận việc vay nợ và có trả cho Quỹ tín dụng Th Tr số tiền lãi là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng); Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở khẳng định việc anh C, chị Ng có vay tiền và đã nhận được tiền từ Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr theo hợp đồng tín dụng số 2018-1-00433/HĐTD ngày 29/8/2018 mà các bên đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng anh C, chị Ng vi phạm cam kết trả nợ, nên Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr khởi kiện yêu cầu anh C, chị Ng phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ; Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phạt chậm trả theo hợp đồng là tự nguyện nên chấp nhận.

[2.2]. Về số tiền phải thanh toán và nghĩa vụ trả nợ: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Quỹ tín dụng yêu cầu anh C, chị Ng phải trả tiền gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn như lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết ngày 29/8/2018 cho đến khi tất toán xong khoản vay. Tính đến ngày 27/4/2021, theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp về thông tin dư nợ đối với khoản tiền vay anh C, chị Ng phải trả:

Nợ gốc: 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Nợ lãi trong hạn: $[(480.000.000đ \times 1.02\%): 30 \text{ ngày}] \times 972 \text{ ngày} = 158.630.400đ$ (Một trăm năm tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng) trừ đi 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) anh C, chị Ng đã trả, số lãi còn lại là 139.630.400 (Một trăm ba chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng);

Nợ lãi quá hạn: $[(480.000.000đ \times 0.51\%): 30 \text{ ngày}] \times 607 \text{ ngày} = 49.531.200$ (Bốn chín triệu năm trăm ba một triệu hai trăm nghìn);

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 669.161.600đ (Sáu trăm sáu chín triệu một trăm sáu một triệu sáu trăm đồng).

Các khoản nợ phù hợp với hợp đồng ký kết theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với lãi suất cho phép của các tổ chức tín dụng, phù hợp theo hướng dẫn nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận toàn bộ. Ngoài ra còn trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 27/4/2021 cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng hạn mức tín dụng.

Anh C, chị Ng là người ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr và thừa nhận hiện đang còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr. Quá trình thực hiện hợp đồng anh C, chị Ng vi phạm cam kết trả nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3]. Xét Hợp đồng thế chấp số 143/2017/HĐTC ngày 18/7/2017 tài sản anh C, chị Ng thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 919 tờ bản đồ số 01 thuộc Thôn 1, xã Th Tr, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích 305m² được minh chứng bởi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 950605, do UBND huyện Thiệu Hóa cấp ngày 14/6/2006 đứng tên anh Phạm Văn C. Sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: H10048. Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà 02 tầng diện tích sử dụng 123,6m², nối liền là 01 nhà bằng diện tích sử dụng 61,04m² và công trình phụ đồ bằng diện tích 13,7m². Hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Theo hợp đồng thế chấp thì Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr có quyền đề nghị xử lý bán tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ nếu trường hợp hộ gia đình anh C, chị Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr đề nghị Tòa án tuyên xử lý bán thế chấp bảo đảm tiền vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Phạm Văn C, chị Lê Thị Ng phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Do Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (Hai triệu đồng), nên anh C, chị Ng có nghĩa vụ thanh toán lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[4]. Về án phí: Anh C, chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 6; Điều 9; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr:

Về thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Buộc anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 2018-1-00433/HĐTD ngày 29/8/2018 số tiền gốc là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng); Tiền lãi đến ngày xét xử (Ngày 27/4/2021) gồm: Nợ lãi trong hạn 139.630.400 (Một trăm ba chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng); Nợ lãi quá hạn: 49.531.200 (Bốn chín triệu năm trăm ba mươi hai nghìn); Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 669.161.600đ (Sáu trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi triệu sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr.

Trường hợp anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng không trả được nợ thì Quỹ tín dụng Th Tr có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 143/2017/HĐTC ngày 18/7/2017, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Nếu sau khi phát mãi tài sản, số tiền không đủ thanh toán thì anh C, chị Ng phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Quỹ tín dụng Th Tr cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền còn nợ thì số tiền còn lại sau khi thanh toán được trả lại cho anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng.

[2]. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng phải chịu 30.766.500đ (Ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) (con số đã được làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.450.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005835 ngày 06/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Quỹ tín dụng nhân dân Th Tr có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh C, chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

